

CHUÔNG VÀ MINH CHUÔNG THỜI TRẦN

ĐINH KHẮC THUÂN*

Tóm tắt: Chùa Phật ở Việt Nam xuất hiện hầu hết tại các địa phương, từ những ngôi quốc tự của triều đình, ngôi đại danh lam, đến những ngôi chùa làng, mà ở mỗi ngôi chùa đó đều có ít nhất một quả chuông đồng. Cũng như bia chùa, mỗi chuông chùa đều có bài minh văn chữ Hán ghi về lí do và ý nghĩa việc đúc chuông, cùng người hưng công, công đúc chuông thờ Phật. Minh văn trên chuông là một bộ phận quan trọng trong kho tàng văn khắc Hán Nôm quý giá về Phật giáo ở Việt Nam trong lịch sử. Thời Trần (1225-1400) là thời kỳ Phật giáo hưng thịnh, chùa Phật được xây dựng khá nhiều ở khắp vùng miền, kể cả vùng biên viễn. Tuy nhiên, kiến trúc chùa thời Trần đến nay hầu như không còn nguyên vẹn, bởi phần lớn bị hủy hoại trong chiến tranh và thời gian, khí hậu khắc nghiệt. Tương tự như vậy, chuông chùa thời Trần vốn xuất hiện không ít, nhưng số còn lại đến nay cũng rất hiếm hoi. Bài viết tập trung giới thiệu về những quả chuông đồng cổ và minh văn trên chuông thời Trần ở khía cạnh niên đại, văn bản chuông, minh chuông, cùng ý nghĩa, giá trị tư liệu chuông thời Trần này.

Từ khóa: Thời Trần, chuông Phật, Phật giáo

Abstract: Buddhist temples in Vietnam are found in most localities, ranging from national temples established by the royal court to village temples, including prominent large temples, each typically housing at least one bronze bell, which like temple steles, is inscribed with Chinese characters detailing the reasons and significance of its casting, as well as the benefactors and the religious merits associated with its creation as an offering for Buddhist worship. The inscriptions on these bells form a vital part of the valuable collection of Han-Nom inscriptions related to Buddhism in Vietnam's history. During the Tran Dynasty (1225-1400), when Buddhism flourished, many temples were built across various regions, including remote border areas. However, Tran period temple architecture has mostly not survived intact due to destruction from wars, time, and harsh weather. Similarly, while Tran period bronze bells were once numerous, only a limited number have survived to the present day. This article focuses on introducing ancient bronze bells and their inscriptions from the Tran Dynasty, exploring their dating, inscriptions, and historical significance as documentary sources.

Keywords: Tran Dynasty, Buddhist bells, Buddhism

1. Niên đại, văn bản chuông và minh chuông thời Trần

1.1. Khảo sát chuông và minh chuông thời Trần

Thời Trần hiện được biết đến 4 quả chuông và một số minh chuông. Đó là

* GS.TS., Viện Trần Nhân Tông

chuông Vân Bản (Hải Phòng) hiện trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia; chuông chùa Bình Lâm (Hà Giang); chuông chùa Rối (Hà Tĩnh) hiện trưng bày tại Bảo tàng Hà Tĩnh và chuông chùa Nhân Vũ, xã Nguyễn Trãi huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, nay là xã Nguyễn Trãi tỉnh Hưng Yên mới phát hiện gần đây. Trong số 4 quả chuông này thì ba quả chuông đầu đều đã được công nhận là Bảo vật quốc gia. Ngoài ra, còn có 4 minh chuông khác vốn khắc trên chuông thời Trần hoặc được sao chép trong sách, hoặc có thạc bản minh chuông.

1.1.1 Chuông Vân Bản vốn được ngư dân trục vớt từ dưới biển Đồ Sơn, Hải Phòng vào năm 1958, hiện trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia. Chuông có quai và thân chuông, cao 135cm (thân cao 90cm, quai cao 45cm), đường kính miệng 77cm, trọng lượng 300kg. Quai chuông là hai đầu bò lao đầu lưng vào nhau. Bò lao là hình rồng đầu ngẩng cao, miệng há

rộng ngậm hạt ngọc. Mỗi rồng có 2 chân trước, mỗi chân có 4 móng, cùng phần cổ rồng bám chặt xuống nóc chuông tạo thành quai chuông vững chắc. Trên đỉnh quai chuông là hình búp sen. Phía ngoài thân chuông trang trí 6 núm được bố trí thành 2 tầng, tầng thứ nhất ở phía dưới gần miệng chuông có 2 núm để gõ đối xứng cách đều nhau. Tầng thứ 2 cao hơn có 4 núm chỉ 4 hướng (đông, tây, nam, bắc) tạo thành hai cặp đối xứng qua trục trung tâm của thân chuông. Xung quanh mỗi núm tạo hình bông hoa cúc nhiều cánh.

Thân chuông được chia làm bốn mặt bằng 5 đường kẻ nổi theo chiều dọc. Mỗi mặt lại được chia làm hai ô bằng 5 đường kẻ nổi theo hàng ngang. Vành miệng chuông loe, được trang trí bằng 52 cánh sen kép có kích thước bằng nhau. Chuông vốn chưa có minh văn ghi lại việc đúc chuông, nhưng lại có đoạn văn bản chữ Hán và chữ Nôm trên một ô thân chuông.



Chuông Vân Bản (Hải Phòng). Ảnh Cục Di sản.
<https://dsvh.gov.vn/chuong-chua-van-ban-3057>

1.1.2 Chuông chùa Bình Lâm chùa Bình Lâm, xóm Mường Nam, xã Phú Linh, thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Giang, nay là xã Phú Linh tỉnh Hà Giang có niên đại năm Ất Mùi niên hiệu Hưng Long thứ 4 (1295). Chuông cao 101cm (trong đó thân cao 84cm, quai cao 17cm), đường kính miệng 60cm, trọng lượng 193kg.

Chuông có quai và thân chuông. Quai chuông là bò lao hai đầu. Bò lao là hình rồng, có 2 chân, mỗi chân có 4 móng sắc nhọn quắp chặt xuống nóc chuông. Trên đỉnh quai chuông là hình búp sen thường gặp trên quai chuông thời Lê là hình hồ lô bắt đầu xuất hiện trên quai chuông thời Trần. Rồng làm quai chuông có thân mập phủ kín lớp vảy như vảy cá chép, uốn cong tạo thành quai chắc chắn treo chuông.

Phía ngoài thân chuông trang trí 6 núm gõ được bố trí thành 2 tầng, tầng thứ nhất ở dưới để chuông có 2 núm đối xứng. Tầng thứ 2 có 4 núm tạo thành 2 cặp đối xứng qua trục trung tâm của thân chuông. Các núm chuông đều tròn nổi, có đường viền xung quanh mỗi núm là 13 cánh sen đều đặn. Thân chuông được chia làm bốn khoang bằng 5 đường kẻ nổi theo chiều dọc. Mỗi khoang lại được chia làm hai ô bằng 5 đường kẻ nổi theo hàng ngang. Trong lòng 4 ô chữ nhật đứng phía trên có khắc bài minh gồm 309 chữ Hán; 4 ô dưới hình chữ nhật để trơn. Vành miệng chuông loe, được trang trí bằng 45 cánh sen to xen lẫn cánh sen nhỏ.

Trên chuông khắc minh văn chữ Hán ghi việc đúc chuông chùa Bình Lâm, cùng hội chủ hưng công đúc chuông.



Chuông Bình Lâm (Hà Giang) Ảnh tác giả

1.1.3 Chuông chùa Rôi được phát hiện năm 1989 ở trong nền chùa Rôi (phế tích) thuộc xã Cẩm Thịnh, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, nay là xã Cẩm Hưng tỉnh Hà Tĩnh hiện được trưng bày tại Bảo tàng tỉnh Hà Tĩnh. Chuông có niên đại cuối thế kỷ XIV thời Trần. Thân chuông cao 115cm (tính cả quai chuông), đường kính miệng 65cm, trọng lượng 200kg.

Chuông có quai và thân chuông. Quai chuông là một con rồng khum lưng, khác với các quai chuông thời Trần khác, thường là hai rồng đầu lưng vào nhau. Đầu rồng có phần nhỏ so với thân đang hướng lên trên, vùng lưng to, đuôi rồng liền thân, toàn thân phủ vảy kép. Tỷ lệ chiều cao chuông và đường kính miệng cũng lớn nhất so với các quả chuông thời Trần khác. Trên đỉnh của thân chuông là

ba đường gân chạy bao quanh với khoảng cách đều nhau tạo thành những đường tròn đồng tâm.

Chuông có 6 núm tinh chuông, hình dáng giống nhau, kích thước bằng nhau, đường kính 10cm, hình tròn hoa sen với 13 cánh sen lớn đều nhau, xen kẽ là những cánh sen nhỏ. Phần miệng chuông được trang trí cầu kỳ với 86 cánh hoa sen, trong đó có 43 cánh to, 43 cánh nhỏ nằm xen kẽ nhau bao quanh vành miệng chuông.

Văn bản khắc trên thân chuông không ghi việc đúc chuông mà khắc một bài thơ thất ngôn bằng chữ Hán của Hiệp Thạch Phạm Sư Mạnh (1300 - 1384). Chữ Hán trên chuông phần lớn được khắc theo thể hành thư. Có chữ Nam 南. (Nam) viết thiếu nét theo thể lệ kiêng húy chữ Nam thời nhà Trần.



Chuông chùa Rôi (Hà Tĩnh). Ảnh Cẩm Kỳ.

<https://daidoanket.vn/chiec-chuong-co-goi-nho-den-nhung-bien-dong-lich-su-cuoi-trieu-tran-10293124.html>

1.1.4 Chuông Nhân Vũ được phát hiện năm 2015 trong lòng đất trên cánh đồng thôn Nhân Vũ (nên được gọi là chuông Nhân Vũ), xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, nay là xã Nguyễn Trãi tỉnh Hưng Yên. Bãi đất này ở sát khu Di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia Đền thờ nữ tướng Ngọc Chi (danh tướng thời Hai Bà Trưng). Tuy nhiên, đây là chuông của ngôi chùa cổ mà nay không còn, chứ không phải chuông của ngôi đền thờ này. Trong minh văn chuông có địa danh Khoái Lộ, đơn vị hành chính thời Lý Trần, nghĩa là nơi đây vốn thuộc Khoái Lộ, nay thuộc địa phận đất Hưng Yên.

Thân chuông cao 102cm, đường kính miệng 60cm, quai chuông cao 25cm, nặng khoảng 200 kg.

Quai chuông là hình hai con bò lao đầu lưng vào nhau, có 4 chân và 2 đầu chụm lại bám chặt vào nóc chuông làm thành quai chuông chắc chắn. Vành miệng phía dưới chạm 53 hình cánh hoa sen nối tiếp nhau.

Bốn ô phía dưới thân chuông chạm nhiều hoa văn trang trí, như hoa văn sóng nước, hình Phật, mây vân vũ, có cả hình con voi, trâu, cá ngậm đuôi rồng,...

Do lâu ngày bị vùi lấp trong lòng đất nên mặt chuông bị phong hóa, mất nhiều chữ. Nhưng đa phần vẫn đọc được, trong đó có bài kí và bài minh ghi việc tu sửa chùa và đúc chuông chùa này, cùng tín thí cúng ruộng. Có nhiều quan chức trong triều công đức tiền của đúc quả chuông này. Trong đó có chức Hỏa đầu 火頭, chức quan tiêu biểu thời Trần.

Mở đầu bài kí có dòng lạc khoản cho biết khi này thuộc đời vua thứ 5 triều Trần (皇越陳朝第五帝). Cụ thể hơn, đoạn văn sau đó cho biết rõ hơn là “Nhâm Dần niên thập nhất nguyệt nhật cẩn ký” (壬寅年十一月日謹記), nghĩa là: Ngày tháng 11 năm Nhâm Dần kính cẩn ghi lại.

Chữ 丹 nguyệt ở đây được khắc bớt nét theo quy cách chữ hủy thời Trần. Rõ ràng chuông này được đúc và khắc vào năm Nhâm Dần đời vua thứ 5 nhà Trần, tức năm 1362 thuộc niên hiệu Đại Trị (1358-1369) vua Trần Dụ Tông (1341-1369).



Chuông chùa Nhân Vũ (Hưng Yên). Ảnh tác giả.

Ngoài bốn chuông này ra, còn có 4 minh văn khác trên chuông thời Trần hoặc được sao chép trong sách, hoặc có thác bản minh chuông.

1.1.5 Minh văn khắc trên chuông chùa Thánh Quang, thôn Yên Nội, xã Liên Mạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội, nay là phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội. Chuông vốn được đúc vào đời vua Trần Nhân Tông (1279-1293), nhưng bị mất và được đúc lại vào năm Ất Hợi niên hiệu Tự Đức (1875). Minh văn chữ Hán, được khắc trên 4 mặt chuông, mỗi mặt 21 dòng với khoảng 360 chữ.

Minh văn cho biết công chúa Túc Trinh là con gái thứ tư vua Trần Thánh Tông cúng ruộng vào chùa Thánh Quang. Công chúa có công xây dựng chùa Thánh Quang, rồi đi tu ở lại chùa, cúng ruộng làm của Tam bảo và làm ruộng hương hỏa thờ cúng bà về sau. Trong văn bản, có nhắc đến "hương hỏa nô" (香火奴), người chuyên canh tác ruộng chùa và phụng sự hương hỏa, minh xác thêm về chế độ nông nô khá điển hình ở thời Trần.

1.1.6 Minh chuông Bạch Hạc Thông Thánh quán thuộc xã Bạch Hạc, huyện Bạch Hạc, tỉnh Phú Thọ, đúc vào năm Đại Khánh thứ 6 thời Trần (1319). Chuông hiện không còn, chỉ có thác bản do EFEO làm trước năm 1954, kí hiệu thác bản N°4997-5000 và N°13955-13958 tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Theo bản rập, thì chuông này có cấu trúc đẹp. Thân chuông cao 0,60m, chừa kể ô phía dưới, chiều ngang thân chuông là 0,35m. Với cấu tạo này, chuông Bạch Hạc gần giống những quả chuông thời Trần khác. Bụng chuông nhỏ dần về nóc

chuông, được chia ra làm 8 ô ngăn cách nhau bằng những đường gờ dọc và ngang. Bốn ô trên của chuông, có một bài minh dài, gồm hơn 1.000 chữ khắc chìm, ghi chép về việc đúc chuông ở Thông Thánh quán tại Bạch Hạc (*Bạch Hạc Thông thánh quán chung ký*).

1.1.7 Chuông và minh chuông chùa Chiêu Quang hương Tĩnh Cương, lộ Ly Nhân Ngoại, nay thuộc xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên. Minh văn chuông này được chép trong sách *Việt Đông kim thạch lược* 粵東金石略, quyển 9, với đầu mục là "Liêm châu phủ học An Nam cổ chung minh 廉州府學安南古鐘". Theo lời giới thiệu trong sách này, thì chuông chùa Chiêu Quang được vớt ở bãi biển Hợp Phố (nay thuộc tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc), sau đó được lưu giữ tại phủ học Liêm Châu qua đoạn viết như sau: "Chuông chùa Chiêu Quang của An Nam. Vào năm Khang Hi thứ 13 (1674) tại bờ biển Hợp Phố nổi lên một quả chuông đồng. Chữ khắc rất công phu, văn tự hoàn hảo. Phần cuối đề là tháng 2 năm Ất Sửu niên hiệu Hoàng Việt Xương Phù thứ 9 (1385). Chuông được người hiếu sự chuyển đặt ở phủ học Liêm Châu"¹.

Chuông được miêu tả khá tỉ mỉ như: chuông có quai là hai đầu rồng, trên có hình hồ lô. Chuông cao 2 thước 1 tấc 8 phân (trung đương 80cm), chia làm 4 khoang, có 6 núm gỗ. Nội dung minh chuông cho biết, chuông được vớt lên ở bãi biển Đan Thai (nay là cửa Hội thuộc tỉnh Nghệ An), rồi được đưa về treo ở chùa Chiêu Quang thuộc hương Tĩnh Cương. Sau đó, xin Hồ Tông Thốc soạn bài văn chuông này vào năm 1385.

1.1.8 Chuông chùa Diên Thánh Báo Ân ở phường Đông Ngạc, hương Từ Liêm, nay là phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội. Chùa và chuông này hiện không còn, nhưng minh chuông được chép trong sách *Kim văn tụ loại* 金文聚類, kí hiệu A.1059.

Nội dung minh chuông cho biết, “Trước ngày có chùa Diên Thánh Báo Ân làng Đông Ngạc do Tỷ Đô quá cố họ Nguyễn (Lý), húy Thái Bình khai sáng ra. Khi đó, chuông đã được đúc, nhưng Tỷ Đô qua đời, thời gian trôi đi mà chưa có minh văn. Nay, có người cháu ba đời của Tỷ Đô nương là Thân vương ban Nguyễn mỗ trùng tu bảo phường, mới cho ghi lại sự tích mà khắc lên chuông/粵有東鄂鄉延聖報恩寺者,乃姊都故阮氏諱太砵所創。其鐘亦斯時所鑄也。姊都娘沒後,年襍悠邈而鐘未文。今其娘之三世孫親王班阮某重修寶坊,始記其事跡,而刻之於其鐘云”². Cuối văn bản trên chuông là bài minh và lạc khoản ghi ngày 11 tháng 2 năm Canh Thân niên hiệu Đại Khánh thứ 7 (1320) khắc minh chuông. Người soạn minh chuông Trước là Hàn lâm Thị giảng, Tri Quốc Tử Thái học Bác sĩ nội chư thân Đặng Lân Chung.

Như vậy là, thời Trần hiện còn 5 quả chuông nguyên vẹn, trong đó 4 quả ở Việt Nam và một quả lưu lạc tại Trung Quốc, cùng 3 minh chuông khác chỉ có nội dung văn bản được sao chép lại mà chuông thì không còn³.

1.2. Vấn đề niên đại và văn bản chuông Vân Bản

Chuông Vân Bản khá nổi tiếng hiện trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, khi đầu được giới thiệu là chuông thời Lý, sau đó được một số học giả nghiên cứu

văn bản khắc trên chuông này xác định lại là niên đại thời Trần. Vì thế nay Bảo tàng Lịch sử Quốc gia giới thiệu lại là niên đại Trần. Sở dĩ các học giả xác định niên đại thời Trần vì văn bản khắc trên chuông có chữ húy thời Trần là chữ *Nam* 南 viết thành chữ *Bính* 丙 và có chức Tả Bộc xạ là chức quan tiêu biểu thời Trần. Đó là nghiên cứu của Cố GS. Ngô Đức Thọ qua kết luận sau: “Chữ *Nam* 南 theo lệ kiêng húy đời Trần, ngoài các cách viết bớt nét mà chúng ta đã biết, còn được kiêng húy bằng cách dùng chữ đồng nghĩa *Bính* 丙 để thay thế.

Như vậy, do có thêm cứ liệu trên chuông Vân Bản và bia chùa Đại Bi Diên Thánh chúng ta có thêm một đặc điểm chữ húy để nhận diện văn bản đời Trần. Tin chắc rằng trên các bia chuông đời Trần chúng ta sẽ còn gặp các cứ liệu khác để củng cố cho kết luận này. Và với sự chứng minh trên đây, chúng ta có thể đề nghị Viện Bảo tàng Lịch sử điều chỉnh xếp lại chuông Vân Bản vào niên đại đời Trần, không phải đời Lý như đang giới thiệu hiện nay”⁴.

Kế thừa kết quả nghiên cứu này, Nguyễn Đình Chiến phân tích thêm chức Tả Bộc xạ thời Trần và kết luận:

“Như vậy, hai tài liệu thư tịch này cho phép tin rằng chức danh Tả Bộc xạ được bắt đầu từ năm 1285. Cùng với các nhận xét trên đây, chúng tôi có thể khuôn khoảng niên đại của chuông Vân Bản vào khoảng 1285-1304. Nhưng quả chuông không có lý do đúc vào lúc chiến tranh tự vệ chống Nguyên chưa kết thúc thắng lợi được mà phải sau năm 1288. Nghĩa là, quả chuông này có thể được đúc vào

khoảng thời gian 1288-1304, dưới triều vua Trần Nhân Tông hoặc Trần Anh Tông”⁵.

Thực tế, nội dung văn bản khắc trên chuông này không phải ghi lại việc đúc chuông như các minh chuông khác mà ghi lại sự kiện vị “Khổ hạnh tăng Hướng Tâm cư sĩ Đại Ác có công hỗ trợ tháp Báo Thiên, tháp Cổ Châu, tháp Đồ Sơn và tháp Xá Lư. Tả bộc xạ Tạ Công cung tiến quả chuông vào chùa Vân Bản ở Đồ Sơn/苦行僧向心居士大惡補助報天塔, 古州塔, 塗山塔, 舍劉塔, 淘涇 二所為有功。左僕射謝公舉山石鍾一口留於塗山雲本寺”⁶.

Thực tế, chuông Vân Bản là loại chuông lớn: cao 127cm, đường kính miệng 80cm, tương đương kích cỡ chuông thời Lý ở chùa Sùng Khánh (Cao Bằng) được miêu tả lại là cao 4 thước 2 tấc (Trung Quốc) tương đương 134cm, đường kính miệng 3 thước 1 tấc tương đương 99,3cm; chuông chùa Thầy được đúc lại vào thời Tây Sơn phỏng theo quả chuông cũ, thân cao 125cm, đường kính miệng 90cm.

Trong khi đó, thời Trần, có 3 quả chuông khác có niên đại thời Trần đều có kích thước nhỏ hơn. Đó là chuông chùa

Bình Lâm (Hà Giang), cao 103cm, đường kính miệng 65cm, chuông chùa Rôi (Hà Tĩnh) cao 95cm, đường kính miệng 60cm, chuông chùa Nhân Vũ (Hưng Yên) cũng có kích thước tương tự những quả chuông thời Trần khác: thân chuông cao 102cm, đường kính miệng 60cm.

Rõ ràng là chuông Vân Bản thuộc loại chuông lớn hơn hẳn so với các quả chuông thời Trần hiện biết, tương đương chuông thời Lý với truyền thuyết là những quả chuông cực lớn, trở thành Tứ đại khí (chuông Quy Điền, vạc Phổ Minh, tháp Báo Thiên, tượng chùa Quỳnh Lâm). Do đó, chuông này có thể được đúc vào thời Lý đầu thế kỷ XIII, nhưng chưa có minh văn khắc lên; sau đó đến thời Trần nửa sau thế kỷ XIII mới khắc đoạn văn như hiện có trên chuông.

Hơn nữa, hoa văn rồng trang trí trên quai chuông Vân Bản hoàn toàn là rồng thời Lý có thân mềm uốn lượn nhiều khúc, trong khi rồng trang trí trên quai chuông 3 quả chuông thời Trần hiện biết đều không như vậy.



Quai chuông chùa Vân Bản có rồng thời Lý (Ảnh Bảo tàng Lịch sử Quốc gia)



Quai chuông chùa Bình Lâm, Hà Giang (Ảnh: Cục Di sản văn hóa)

Đây là quả chuông có kích cỡ lớn hơn cả những quả chuông thời Trần khác hiện biết, là tác phẩm nghệ thuật cao. Đặc biệt quả chuông này gắn với chùa Vân Bản, tháp Tường Long (Hải Phòng) nổi tiếng thời Lý. Đoạn văn bản trên chuông được khắc về sau thuộc thời Trần, nội dung văn bản này không phải là minh chuông thường gặp soạn để khắc lên chuông sau khi đúc xong chuông.

2. Giá trị tư liệu chuông và minh chuông thời Trần

Những quả chuông cuối Lý đầu Trần và thời Trần nêu trên là độc bản, kỹ thuật đúc khá tinh xảo, có giá trị mỹ thuật cao. Những quả chuông này đều là loại hồng chung, tức là chuông rất lớn. Phần lớn những quả chuông này đều do triều đình cấp phát đồng để đúc. Nghề đúc đồng đã phát triển từ thời Lý mà tổ nghề đúc đồng và đúc chuông được tôn thờ là Nguyễn Minh Không và Dương Không Lộ thời Lý. Dương Không Lộ là một nhà sư lớn, nên được gọi là Không Lộ đại sư, người hương Giao Thủy phủ Hải Thanh, thuộc tỉnh Nam Định (hiện nay là tỉnh

Ninh Bình). Ông sinh năm Bính Thìn niên hiệu Thuận Thiên thứ 7 (1016), mất năm Giáp Tuất niên hiệu Hội Phong (1094) nhà Lý. Còn Nguyễn Minh Không, Quốc sư triều Lý, người làng Đàm Xá huyện Gia Viễn, nay thuộc tỉnh Ninh Bình, cầu đạo với Thiền sư Từ Đạo Hạnh. Ông sinh năm Long Chương Thiên Tự thứ nhất (1066) và mất năm Đại Định thứ 2 (1114). Ông cùng Dương Không Lộ điều trị tại chùa Phả Lại. Tương truyền nhờ có chiếc túi Thần mà hai ông đã mang được hết kho đồng ở bên Bắc quốc về và dạy cho dân đúc ra “An Nam tứ khí”⁷.

Minh văn chuông chùa Tây Quan còn gọi là chùa Dừa thôn Hải Lộ xã Liêm Hải huyện Trực Ninh, Nam Định, nay thuộc xã Ninh Giang, tỉnh Ninh Bình đúc năm Chính Hoà thứ 10 (1689) có đoạn viết: “Từ khi vua Lý giáng sinh, Không Lộ đại sư Phật tổ ứng báo ở Đông Đô, thần thông uy linh hưng giáng ở Nam Việt, giáo pháp được lên ngôi, lấy một túi đồng, kế nối cửa thiên. Trở về trong nước, đúc làm tứ khí,... / 自出李朝皇帝降生空路大師佛祖應跡東都、神通威靈南越興降、教法取上位銅得一囊、紹繼禪門。回中國鑄為四器”⁸.

Chính vì vậy mà nghề đúc đồng làng Ngũ Xã, Hà Nội tôn thờ tổ nghề là hai vị đại sư này. Làng nghề đúc đồng Đền Kiêu (Bắc Ninh) ngoài thờ hai vị tổ nghề này, còn thờ Phạm Quốc Tài và Trần Lục là hai chú tiểu giúp việc, được tôn thờ là Hậu tiên sư. Làng nghề đúc đồng ở Điện Bàn, Quảng Nam tôn thờ Không Lộ đại sư làm tổ nghề.

Chuông chùa Bình Lâm tuy ở Hà Giang vùng biên viễn thời nhà Trần, nhưng chuông được đúc từ Thăng Long chuyển đến, nên được thợ đúc chuyên nghiệp của triều đình đúc, như nội dung minh chuông ghi khá cụ thể:

“Đúc một quả chuông lớn ở Tiểu thượng niên lang viện Đại Bi trong nội thành. Giờ Ngọ, ngày rằm tháng 3 năm Ất Mùi treo lên vĩnh viễn ở chùa Bình Lâm để lưu thông cúng dàng./ 鑄洪終一口，於城內，大悲院小尚年廊，乙未年三月十五日午時永懸平林寺以流通供養”。

Chuông được đúc nguyên khối bằng chất liệu đồng tốt tạo nên thanh âm vang xa lạnh lạnh. Hình dáng chắc khỏe, bố cục trang trí hài hòa, cân đối. Đặc biệt các hoa văn trang trí rồng, sen được tạo dáng khỏe khoắn, tinh xảo mang đặc trưng tiêu biểu của nghệ thuật trang trí thời Trần, phản ánh trình độ đúc chuông hoàn hảo của thợ thủ công thời Trần. Nội dung tư liệu trên chuông là nguồn sử liệu quý giá giúp các nhà khoa học nghiên cứu, tìm hiểu về quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội thời Trần trên địa bàn Hà Giang nói riêng, cả nước nói chung.

Cụ thể như tư liệu minh chuông cho biết, chùa Bình Lâm thời Trần thuộc châu

Bà Đồng Thượng giáp với phía Bắc trường Phú Linh nước Đại Việt. Người kế nối tu bổ chùa là thủ lĩnh Nguyễn Anh và vợ là Nguyễn Thị Ninh, cùng tín thí đứng ra đúc chuông. Hưng công hội chủ đúc chuông này mang họ Nguyễn, thực tế vốn là họ Lý, công thần triều Lý trấn ải vùng đất biên viễn này, phải đổi sang họ Nguyễn dưới thời nhà Trần. Chuông tuy không có tiêu đề, nhưng có ba chữ lớn *Phụng Tam bảo*, có nghĩa là đúc chuông này để phụng thờ Phật pháp.

Việc triều đình sai quan quân trấn lĩnh vùng biên viễn và cho xây chùa, đúc chuông chùa ở đây không chỉ nhằm phổ biến Phật pháp mà chính là để khẳng định chủ quyền và phát triển vùng đất biên viễn này. Đồng thời cũng cho thấy, thái độ trân trọng của người địa phương miền núi với vua Trần và Phật giáo thời Trần.

Thông qua vị thủ lĩnh Nguyễn Anh - người thay mặt triều đình cai quản một vùng “rất sùng đạo Phật, đã bỏ tiền của dựng chùa, đúc chuông” cũng như việc Vương triều Trần đã sử dụng Phật giáo làm phương tiện để củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, bảo vệ đất nước, chống giặc ngoại xâm. Bài minh cũng cho thấy rõ hơn sự đóng góp to lớn của triều Trần đối với công cuộc hoàng dương chính pháp, đồng thời đánh dấu một thời hưng thịnh của Phật giáo nước nhà.

Nếu chuông Bình Lâm là minh chứng cho sự mở rộng Phật giáo ở vùng biên viễn phía Bắc, thì chuông chùa Rối (Hà Tĩnh) đánh dấu sự lan tỏa Phật giáo đến vùng biên viễn phía Nam thời nhà Trần. Chuông chùa Rối lại khắc bài thơ của

Hiệp Thạch Phạm Sư Mạnh (1300 - 1384), viên tướng trị nhậm vùng biên viễn phía nam này. Bài thơ đề cập đến địa danh Hoành Sơn, Bồ Chính, đó là vùng đất phía nam Đại Việt. Trước cảnh tượng hùng vĩ, bao la mà hoang vắng của non nước, đất trời của dãy Hoành Sơn hùng vĩ, giáp với biển Đông rộng lớn, vùng biên viễn của quốc gia Đại Việt, tức cảnh nhà thơ đã sáng tác ra bài thơ này. Đây cũng là minh chứng góp phần khẳng định chủ quyền của quốc gia Đại Việt về phía Nam.

Đặc biệt là bài minh chuông quán Thông Thánh do Hứa Tông Đạo - một tín đồ Đạo giáo, nguyên quán tại tỉnh Phúc Kiến soạn. Minh chuông cho biết, Hứa Tông Đạo đã quyết định rời bỏ đất nước của mình bị quân Nguyên xâm chiếm lãnh đến Việt Nam để sinh sống. Năm 1285, sau khi cùng người Việt Nam đẩy lùi quân xâm lược Mông Cổ, Hứa Tông Đạo lại tiếp tục hành đạo. Ông kể lại, tại sao sau này ông có ý muốn tu sửa lại Thông Thánh quán vốn được xây dựng từ thời Vĩnh Huy nhà Đường (650-655) để thờ phụng "Tam Thanh" sau khi đã đổ nát; tại sao ông nghĩ tới việc đặt ở đó một quả chuông, và cuối cùng ông đã nhận được sự cúng tiến về tài chính của những người trong hoàng gia như thế nào.

Nội dung minh chuông có đoạn viết: "Cho đến đời vua thứ hai triều Trần là Hoàng đế Thái Tông, năm Bính Tý (1276), trị nước thái bình, bốn phương hướng hoá, bây giờ có đạo sĩ Hứa Tông Đạo ở lý Hải Đan, hương Thái Bình, huyện Phúc Thanh, Phúc Châu, lộ Phúc Kiến nước Đại Tống cùng lưu phái, cao hứng theo thuyền đến phương Nam. (...) Cuối đông năm Giáp

Thân (1284), giặc Bắc đến xâm lược. Bấy giờ Khai Quốc vương trấn thủ các châu lộ Tuyên Quang, cùng Hứa Tông Đạo vào ngày thượng nguyên năm Ất Dậu (tức ngày 20 tháng 2 năm 1285), ở sông Bạch Hạc, cắt tóc thề nguyện với thần linh đem hết lòng trung để báo ơn vua. Rồi suất lĩnh tả hữu, một mình một ngựa tiến lên trước, mới qua vùng người Man Lão, quân Thát đến sau, trong vòng tám khắc, hai bên không gặp nhau. Vương thẳng đến trước mặt vua, châu hầu phò giá, lại suất tập quân sĩ, chém được đầu Toa Đô. Vào trung tuần tháng trọng hạ (tức tháng 5), quân Thát thua tan, đều là nhờ phúc âm của thần vương./ 向者陳朝第二帝太宗皇帝丙子年間,治道太平,四方向化。時有大宋國福建路州福清縣太平鄉海壇里道士許宗道,同流附舶,乘興入南。 (...)甲申冬季,北寇來侵。時開國王鎮守宣光諸路,同許宗道曾於乙酉上元,在白鶴江翦髮立誓,與神為盟,盡以心忠,期報君上。遂率左右,單騎前趨,纔歷蠻,僚,韃軍後至,八刻之內,彼此不逢。直至御前,朝侍駕右。率集軍士,斬馘竣都。仲夏中旬,韃軍敗散。皆托神王之福蔭也"¹⁰。

Thông tin trên cho thấy một thực tế là, đã có khá nhiều Thiên sư và Đạo sĩ từ Trung Quốc sang hành đạo ở nước ta dưới thời nhà Trần. Chính vì tiếp xúc với các Đạo sĩ này mà Phật giáo Trúc Lâm được vua Trần sáng lập có yếu tố Đạo giáo.

Tạm kết

Chuông đồng cổ ở Việt Nam xuất hiện khá sớm, đến thời Trần thì dần dần trở nên phổ biến, là báu vật của Phật viện. Tuy nhiên, hiện tại chúng tôi mới khảo sát được 4 chuông và 4 minh chuông. Loại hình đa dạng, kỹ thuật đúc điêu luyện

nhìn vừa thanh thoát, vừa chắc chắn, có giá trị mỹ thuật cao. Minh văn chuông cũng vô cùng phong phú, là nguồn sử liệu, văn liệu quý giá góp phần nghiên cứu nhiều khía cạnh liên quan đến lịch sử văn hóa, giáo lý nhà Phật, hoạt động của các tín đồ Phật giáo ở các vùng miền đất nước ở thời kỳ Phật giáo hưng thịnh thời Trần, đồng hành cùng sự xuất hiện và hoạt động Phật giáo Trúc Lâm do vua Trần Nhân Tông sáng lập ra ở nước ta./.*

Đ.K.T

Chú thích và tài liệu tham khảo

* Dự án này được tài trợ bởi bởi Quỹ Đổi mới sáng tạo Vingroup (VINIF) trong Dự án mã số VINIF09.2024.DA07.

1. Phan Đại Doãn - Đinh Khắc Thuân (1998), “Thêm một bài văn của Hồ Tông Thốc: Chiêu Quang tự chung minh”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 3 (36), tr. 86-90.

2. Đinh Khắc Thuân (2021), *Văn bia chữ Hán Việt Nam từ thời Bắc thuộc đến đời Trần*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.593.

3. Trong số 8 minh chuông trên, thì 7 văn bản được giới thiệu trong sách : Cheng A Tsai - Mao Han Kuang - Phan Văn Các (2002), *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam, Tập 2 thời*

Trần, Viện Nghiên cứu Hán Nôm - Đại học Trung Chính Đài Loan; đồng thời cũng được dịch và giới thiệu trong sách Đinh Khắc Thuân (2021), *Văn bia chữ Hán Việt Nam từ thời Bắc thuộc đến đời Trần*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.569-608.

4. Ngô Đức Thọ (1997), “Chữ Nam viết kiêng húy và vấn đề niên đại của chuông Vân Bản”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (31), tr.18-22.

5. Nguyễn Đình Chiến (2017), “Bảo vật Quốc gia: Quả chuông chùa Vân Bản”, *Bảo tàng Lịch sử Quốc gia*, số 07. <https://baotanglichsu.vn/vi/Articles/1001/28547/bao-vat-quoc-gia-qua-chuong-chua-van-ban.html>

6. Đinh Khắc Thuân (2021), *Văn bia chữ Hán Việt Nam từ thời Bắc thuộc đến đời Trần*, sđd, tr.570.

7. Phạm Đức Duật (1984), “Sự tích Không Lộ, Minh Không qua quyển sách chữ Hán mới sưu tầm”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2. tr.137-143.

8. Kí hiệu thác bản N°38129, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

9. Đinh Khắc Thuân (2021), *Văn bia chữ Hán Việt Nam từ thời Bắc thuộc đến thời Trần*, sđd, tr.576.

10. Đinh Khắc Thuân (2021), *Văn bia chữ Hán Việt Nam từ thời Bắc thuộc đến thời Trần*, sđd, tr.585.